



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ủy Ban Kiểm toán
(từ ngày 14/4/2021)

Ông Đào Anh Thắng
Ông Nguyễn Việt Phương

Trưởng Ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 13-08-2021

112
ÔNG
NHIỆ
PI
LIÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13-08-2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

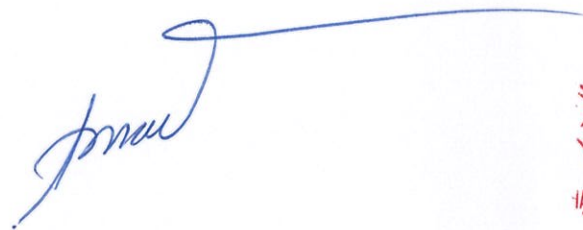
Báo cáo soát xét số: 21-02-00211-21-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 13-08-2021



Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.557.119.833.249	1.678.805.704.398
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	176.705.651.614	212.170.457.483
Tiền	111		176.555.651.614	212.020.457.483
Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000	150.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	600.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		746.351.510.680	813.391.481.075
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	759.743.974.738	838.341.865.042
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	27.350.155.902	32.774.992.392
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	15.461.572.866	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	23.990.028.605	7.007.272.206
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(80.194.221.431)	(80.194.221.431)
Hàng tồn kho	140	15	1.017.360.549.033	644.121.936.470
Hàng tồn kho	141		1.020.834.574.584	647.595.962.021
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.474.025.551)	(3.474.025.551)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.702.121.922	9.121.829.370
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.672.481.177	8.317.680.249
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.502.510.140	359.098.702
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	22	527.130.605	445.050.419

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.177.165.331.748	2.216.613.156.937
Tài sản cố định	220		1.404.433.602.863	1.536.749.668.018
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.395.386.012.801	1.460.159.356.251
Nguyên giá	222		2.845.913.066.675	2.836.340.599.018
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.450.527.053.874)	(1.376.181.242.767)
Tài sản cố định vô hình	227	17	9.047.590.062	76.590.311.767
Nguyên giá	228		18.698.106.737	95.091.239.834
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.650.516.675)	(18.500.928.067)
Tài sản dở dang dài hạn	240		110.883.862.917	89.105.990.601
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	110.883.862.917	89.105.990.601
Đầu tư tài chính dài hạn	250		533.028.446.011	527.206.230.903
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	288.403.257.411	282.581.042.303
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(c)	95.960.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	150.000.000.000	150.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		128.819.419.957	63.551.267.415
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	127.463.321.155	62.057.197.585
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	1.356.098.802	1.494.069.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.734.285.164.997	3.895.418.861.335

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.017.431.311.605	1.306.130.324.381
Nợ ngắn hạn	310		1.991.342.412.268	1.270.673.123.230
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	249.444.616.834	125.998.611.125
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.484.328.434	3.081.619.337
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	22	32.287.058.504	34.157.963.428
Phải trả người lao động	314		54.048.788.092	57.596.856.241
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	142.968.755.244	128.622.751.438
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	16.646.943.534	10.801.412.809
Vay ngắn hạn	320	25(a)	1.462.742.485.800	909.719.199.789
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	4.719.435.826	694.709.063
Nợ dài hạn	330		26.088.899.337	35.457.201.151
Vay dài hạn	338	25(b)	26.088.899.337	35.457.201.151
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.716.853.853.392	2.589.288.536.954
Vốn chủ sở hữu	410	27	2.716.853.853.392	2.589.288.536.954
Vốn cổ phần	411	28	1.177.961.830.000	1.177.961.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.177.961.830.000	1.177.961.830.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	1.034.576.932.192	941.847.178.493
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		504.315.091.200	469.479.528.461
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		234.373.568.296	222.984.780.639
- LNST kỳ này/năm nay	421b		269.941.522.904	246.494.747.822
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.734.285.164.997	3.895.418.861.335

Người lập: **13 -08- 2021**

Người duyệt:



Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán



Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	32	2.394.925.591.093	2.164.601.968.688
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	101.893.190.732	8.754.662.096
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	32	2.293.032.400.361	2.155.847.306.592
Giá vốn hàng bán	11	33	1.696.986.915.609	1.458.794.019.302
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		596.045.484.752	697.053.287.290
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	22.170.448.786	13.251.053.550
Chi phí tài chính	22	35	28.812.962.812	61.669.507.797
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.168.979.950	42.190.684.198
Phần lãi trong công ty liên kết	24	9(b)	5.822.215.108	9.928.458.949
Chi phí bán hàng	25	36	213.747.132.121	273.371.672.199
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	65.022.758.202	148.487.608.831
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		316.455.295.511	236.704.010.962
Thu nhập khác	31		1.406.896.618	1.007.438.898
Chi phí khác	32		156.026.520	1.366.846
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.250.870.098	1.006.072.052
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		317.706.165.609	237.710.083.014
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	47.626.671.677	35.094.095.054
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	39	137.971.028	(1.509.167.489)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		269.941.522.904	204.125.155.449

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	2.062	1.595

Người lập:

13 -08- 2021

Người duyệt:



Lưu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toán



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	317.706.165.609	237.710.083.014
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	76.817.087.443	73.550.293.461
Các khoản dự phòng	03	-	79.156.884.360
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(239.161.336)	(26.739.516)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.265.713.453)	(22.348.239.078)
Chi phí lãi vay	06	16.168.979.950	42.190.684.198
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	383.187.358.213	410.232.966.439
Biến động các khoản phải thu	09	71.355.005.315	37.653.969.221
Biến động hàng tồn kho	10	(373.238.612.563)	(98.497.352.960)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	126.634.159.550	(204.024.660.169)
Biến động chi phí trả trước	12	2.772.405.241	6.818.246.040
		210.710.315.756	152.183.168.571
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.872.764.718)	(43.350.369.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.904.058.688)	(20.014.204.390)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.555.296.703)	(4.168.021.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	145.378.195.647	84.650.573.837
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.829.210.816)	(43.051.371.399)
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23	(603.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24	3.000.000.000	10.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	6.871.119.014	3.175.890.515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(606.958.091.802)	(29.875.480.884)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.485.753.043.937	1.799.665.502.311
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(941.844.611.970)	(1.756.746.806.380)
Tiền trả cổ tức	36	(117.796.183.000)	(196.327.706.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	426.112.248.967	(153.409.010.069)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(35.467.647.188)	(98.633.917.116)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	212.170.457.483	297.022.694.727
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.841.319	26.336.074
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	176.705.651.614	198.415.113.685

Người lập:

13-08-2021

Người duyệt:

Lưu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toánTrần Ngọc Bảo
Kế toán trưởngChư Văn Phương
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 2 công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	30/6/2021		1/1/2021	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty TNHH MTV Nhựa Thiều niên Tiên Phong Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Lô C, Khu công nghiệp Nam Cấm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (i)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%	100%

(i) Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (“Bất động sản Tiên Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015. Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiên Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty và các công ty con có 1.322 nhân viên (1/1/2021: 1.348 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của Công ty trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THÀNH VIÊN D. N. T. P.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 tháng.

(iii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biên quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

2042
G T
EM HU
MC
M -

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty và các công ty con là thuê hoạt động.

CHẾ ĐỘ
HẠN
P H A

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải. Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty và các công ty con

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	791.657.057	359.175.127
Tiền gửi ngân hàng	175.763.994.557	211.661.282.356
Các khoản tương đương tiền	150.000.000	150.000.000
	<hr/>	<hr/>
	176.705.651.614	212.170.457.483

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2021 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	1/1/2021 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn							
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)			600.000.000.000	600.000.000.000		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn							
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	15.000	150.000.000.000	(*)	(*)	15.000	150.000.000.000	(*)

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,75% đến 5,2%. Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Các trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam hưởng lãi suất năm là 8,1%. Trong đó, 10.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và 5.000 trái phiếu đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2027.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	30/6/2021		1/1/2021	
					Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (i)	Bình Dương	8.415.000	27,39%	27,39%	277.779.089.444	(*)	271.108.748.356	(*)
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (ii)	Hải Phòng	499.775	49,98%	49,98%	10.624.167.967	(*)	11.472.293.947	(*)
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (iii)	CHDCND Lào		51%	51%	-	(*)	-	(*)
					288.403.257.411		282.581.042.303	

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

(ii) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.

(iii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phân ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết và thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp giá gốc. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty NTP-SMP tới bằng không trên báo cáo tài chính hợp nhất từ những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kế thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	282.581.042.303	265.222.210.398
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	5.822.215.108	9.928.458.949
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	6.670.341.088	9.332.078.021
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	(848.125.980)	596.380.928
Số dư cuối kỳ	288.403.257.411	275.150.669.347

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021		1/1/2021	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Gía gốc VND	Gía trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (ii)	13,50%	13,50%	46.784.068.600	46.784.068.600 (*)
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1,80%	1,80%	41.400.000.000	41.400.000.000 (*)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	17,39%	17,39%	5.148.000.000	5.148.000.000 (*)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	4,80%	4,80%	1.128.120.000	1.128.120.000 (*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	1,11%	1,11%	1.500.000.000 (1.335.000.000)	1.500.000.000 (1.335.000.000) (*)
			95.960.188.600 (1.335.000.000)	95.960.188.600 (1.335.000.000)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25).
- (*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	353.935.569.167	337.778.296.999
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	150.571.115.269	243.936.102.107
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (i)	319.264.603	3.885.581.879
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (i)	5.731.000	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.301.999.378	1.650.366.250
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	123.553.354.722	34.253.477.403
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	109.188.598.195	137.351.758.261
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	15.910.859.616	48.590.726.344
Công ty TNHH Tam Phước	-	26.996.915.429
Các khách hàng khác	4.957.482.788	3.898.640.370
	759.743.974.738	838.341.865.042

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 665.079 triệu VND (1/1/2021: 732.065 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	2.105.295.193
Bên khác		
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	6.390.354.000	1.412.516.288
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	4.600.478.960	1.858.999.010
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông và Quảng cáo Minh Dương	2.770.000.000	1.567.047.000
Công ty TNHH Công nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	2.356.774.472	7.080.206.247
Các nhà cung cấp khác	11.232.548.470	18.750.928.654
	27.350.155.902	32.774.992.392

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết với Công ty. Khoản vay này không có bảo đảm, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	15.904.383.561	1.262.465.753
Tạm ứng	3.715.810.442	2.860.247.595
Đặt cọc	2.710.000.000	2.308.000.000
Phải thu khác	1.659.834.602	576.558.858
	23.990.028.605	7.007.272.206

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2021				1/1/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-
Công ty TNHH Sekisui								
Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 6 tháng đến trên 3 năm	1.650.366.250	1.060.039.175	590.327.075	Dưới 6 tháng đến trên 3 năm	1.650.366.250	1.060.039.175	590.327.075
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải								
– công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	1 năm đến dưới 2 năm	150.571.115.269	77.845.262.227	72.725.853.042	1 năm đến dưới 2 năm	243.936.102.107	77.845.262.227	166.090.839.880
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	203.536.476	-	Trên 3 năm	203.536.476	203.536.476	-
		153.510.401.548	80.194.221.431	73.316.180.117		246.875.388.386	80.194.221.431	166.681.166.955
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			80.194.221.431				80.194.221.431	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	183.000.515.369	-	55.283.899.516	-
Nguyên vật liệu	505.060.912.772	(3.474.025.551)	405.472.310.021	(3.474.025.551)
Công cụ và dụng cụ	7.676.090.377	-	8.145.177.236	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	75.749.499.659	-	38.591.502.720	-
Thành phẩm	249.249.410.919	-	140.004.927.040	-
Hàng hóa	98.145.488	-	98.145.488	-
	1.020.834.574.584	(3.474.025.551)	647.595.962.021	(3.474.025.551)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 có 4.238 triệu VND nguyên vật liệu được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

142
 TỶ
 HỮU
 1G
 1-7

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.510.688.569.023	1.140.244.116.801	167.601.676.736	17.806.236.458	2.836.340.599.018
Tăng trong kỳ	-	1.688.980.461	2.292.248.818	-	3.981.229.279
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.948.859.614	104.263.134	-	-	6.053.122.748
Thanh lý	(179.949.170)	(281.935.200)	-	-	(461.884.370)
Số dư cuối kỳ	1.516.457.479.467	1.141.755.425.196	169.893.925.554	17.806.236.458	2.845.913.066.675
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	536.067.882.978	719.447.631.039	103.974.389.577	16.691.339.173	1.376.181.242.767
Khấu hao trong kỳ	37.154.356.888	31.178.185.252	6.232.663.427	242.489.910	74.807.695.477
Thanh lý	(179.949.170)	(281.935.200)	-	-	(461.884.370)
Số dư cuối kỳ	573.042.290.696	750.343.881.091	110.207.053.004	16.933.829.083	1.450.527.053.874
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	974.620.686.045	420.796.485.762	63.627.287.159	1.114.897.285	1.460.159.356.251
Số dư cuối kỳ	943.415.188.771	391.411.544.105	59.686.872.550	872.407.375	1.395.386.012.801

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản cố nguyên giá 564.264 triệu VND (1/1/2021: 549.145 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 892.324 triệu VND (1/1/2021: 943.270 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	85.230.190.727	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	95.091.239.834
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(76.393.133.097)	-	-	-	(76.393.133.097)
Số dư cuối kỳ	8.837.057.630	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	18.698.106.737
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	9.424.847.134	153.400.000	2.501.022.223	6.421.658.710	18.500.928.067
Khấu hao trong kỳ	426.919.076	-	-	142.721.484	569.640.560
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.420.051.952)	-	-	-	(9.420.051.952)
Số dư cuối kỳ	431.714.258	153.400.000	2.501.022.223	6.564.380.194	9.650.516.675
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	75.805.343.593	-	-	784.968.174	76.590.311.767
Số dư cuối kỳ	8.405.343.372	-	-	642.246.690	9.047.590.062

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.654 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	89.105.990.601	130.714.751.756
Tăng trong kỳ	27.900.533.541	17.589.086.557
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.053.122.748)	-
Khác	(69.538.477)	-
Số dư cuối kỳ	110.883.862.917	148.303.838.313

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	98.273.507.577	76.495.635.261
Dự án số 2 An Đà	12.610.355.340	12.610.355.340
Số dư cuối kỳ	110.883.862.917	89.105.990.601

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Khác	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND		VND
Số dư đầu kỳ	47.537.665.966	5.600.195.428	8.919.336.191	62.057.197.585
Tăng trong kỳ	-	4.462.030.116	1.291.566.000	5.753.596.116
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	66.973.081.145	-	-	66.973.081.145
Phân bổ trong kỳ	(1.439.751.406)	(4.157.156.593)	(1.723.645.692)	(7.320.553.691)
Số dư cuối kỳ	113.070.995.705	5.905.068.951	8.487.256.499	127.463.321.155

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	20%	1.356.098.802	1.494.069.830

21. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	76.921.797.700	58.041.296.500
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	3.400.000.000	1.123.173.758
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	1.663.846.910	2.023.997.019
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	280.795.987	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	37.505.289.635	15.011.101.227
Tricon Energy Ltd	29.619.834.400	-
Hyosung Chemical Corporation	20.073.919.600	-
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	18.461.520.000	-
Borouge Pte Ltd.	10.569.137.040	16.717.100.400
Các nhà cung cấp khác	50.948.475.562	33.081.942.221
	249.444.616.834	125.998.611.125

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty và các công ty con không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2021: Không).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2021		Số phải thu/ phải nộp trong kỳ		Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ		30/6/2021	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	VND	VND	VND	VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	17.682.032.461	240.891.141.495	(253.121.570.383)	-	5.451.603.573		
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	94.939.077.268	(94.939.077.268)	-	-		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.755.635.622	47.626.671.677	(28.904.058.688)	-	26.478.248.611		
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.364.859.169	4.563.577.527	(13.008.746.738)	(82.080.186)	1.770.144		
Tiền thuế đất	-	-	4.352.693.000	(4.352.693.000)	-	-		-
Thuế nhập khẩu	-	355.436.176	17.441.216.947	(17.441.216.947)	-	355.436.176		
Thuế khác	(445.050.419)	-	41.250.153	(41.250.153)	(445.050.419)	-		-
	(445.050.419)	34.157.963.428	409.855.628.067	(411.808.613.177)	(527.130.605)	32.287.058.504		

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay phải trả	2.088.623.132	1.792.407.900
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	86.720.794.674	96.033.381.021
Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản cố định	25.479.205.455	-
Chi phí vận chuyển	8.578.612.226	6.737.554.207
Chi phí thuê đất	7.858.059.187	6.273.082.125
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	5.823.629.091	13.391.033.600
Chi phí phải trả khác	6.419.831.479	4.395.292.585
	142.968.755.244	128.622.751.438

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận đặt cọc ngắn hạn	10.018.000.177	7.414.000.177
Kinh phí công đoàn	1.504.065.982	2.110.211.895
Các khoản phải trả khác	5.124.877.375	1.277.200.737
	16.646.943.534	10.801.412.809

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong kỳ		30/6/2021	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	890.982.596.206		1.485.753.043.937	(932.476.310.144)	(253.447.770)	1.444.005.882.229
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b))	18.736.603.583		9.368.301.814	(9.368.301.826)	-	18.736.603.571
	909.719.199.789		1.495.121.345.751	(941.844.611.970)	(253.447.770)	1.462.742.485.800

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	44.825.502.908	54.193.804.734
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))	(18.736.603.571)	(18.736.603.583)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	26.088.899.337	35.457.201.151

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 4,0% đến 5,45% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: từ 6,65% đến 9,14%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2024.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 9(c));
- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 665.079 triệu VND (1/1/2021: 732.065 triệu VND) (Thuyết minh 10); và
- tài sản cố định hữu hình của Công ty và các công ty con có giá trị còn lại là 892.324 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 943.270 triệu VND) (Thuyết minh 16).

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	694.709.063	4.165.916.324
Trích lập trong kỳ	23.580.023.466	28.297.758.437
Sử dụng trong kỳ	(19.555.296.703)	(2.168.021.000)
Số dư cuối kỳ	4.719.435.826	30.295.653.761

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	981.638.530.000	962.542.250.971	623.238.472.598	2.567.419.253.569
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	204.125.155.449	204.125.155.449
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	175.628.227.522	(175.628.227.522)	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(196.327.706.000)	(196.327.706.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(28.297.758.437)	(28.297.758.437)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2020	981.638.530.000	1.138.170.478.493	425.109.936.088	2.544.918.944.581
Số dư tại ngày 1/1/2021	1.177.961.830.000	941.847.178.493	469.479.528.461	2.589.288.536.954
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	269.941.522.904	269.941.522.904
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	92.729.753.699	(92.729.753.699)	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(117.796.183.000)	(117.796.183.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(23.580.023.466)	(23.580.023.466)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.177.961.830.000	1.034.576.932.192	504.315.091.200	2.716.853.853.392

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	117.796.183	1.177.961.830.000	117.796.183	1.177.961.830.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 117.796 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 196.328 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 20% vốn điều lệ).

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.638.903.125
Từ hai đến năm năm	43.996.344.744	42.898.332.652
Trên năm năm	259.575.264.763	257.050.664.667
	314.433.607.632	310.587.900.444

(b) Ngoại tệ

		30/6/2021		1/1/2021
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	53.765	1.231.638.770	105.146	2.417.827.441

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	103.874.934.308	12.087.583.773

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	2.388.169.329.418	2.159.940.156.379
▪ Doanh thu khác	6.756.261.675	4.661.812.309
	2.394.925.591.093	2.164.601.968.688
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(94.140.823.445)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.752.367.287)	(8.754.662.096)
	(101.893.190.732)	(8.754.662.096)
Doanh thu thuần	2.293.032.400.361	2.155.847.306.592

33. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	1.692.525.094.551	1.454.719.563.374
▪ Giá vốn khác	4.461.821.058	4.074.455.928
	1.696.986.915.609	1.458.794.019.302

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	15.742.450.922	7.301.269.329
Lãi chênh lệch tỷ giá	657.411.964	831.273.421
Cổ tức được chia	5.770.585.900	5.118.510.800
	22.170.448.786	13.251.053.550

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	16.168.979.950	42.190.684.198
Chiết khấu thanh toán	12.537.783.699	18.735.725.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá	106.199.163	203.098.580
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	-	540.000.000
	28.812.962.812	61.669.507.797

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.878.520.181	18.240.008.819
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	103.869.537.833	170.243.038.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.147.340.621	7.039.441.923
Chi phí vận chuyển	42.779.592.778	40.036.879.845
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	9.094.585.860	11.211.524.052
Chi phí bán hàng khác	31.977.554.848	26.600.779.302
	213.747.132.121	273.371.672.199

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	31.087.219.744	31.209.325.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.673.644.399	10.928.759.993
Chi phí khác bằng tiền	12.150.319.155	10.799.893.712
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	78.711.209.519
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.111.574.904	16.838.419.651
	65.022.758.202	148.487.608.831

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.618.795.815.243	1.231.455.174.618
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối sản phẩm và đơn vị bán hàng	103.869.537.833	170.243.038.258
Chi phí nhân công và nhân viên	165.310.987.820	152.605.080.912
Chi phí khấu hao	76.817.087.443	73.550.293.461
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	78.711.209.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.315.592.382	127.382.417.568
Chi phí khác	19.050.266.029	14.367.974.973

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	47.626.671.677	35.094.095.054
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	137.971.028	(1.509.167.489)
Chi phí thuế thu nhập	47.764.642.705	33.584.927.565

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	317.706.165.609	237.710.083.014
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	63.541.233.122	47.542.016.603
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(8.975.845.496)	(7.297.991.211)
Thu nhập không bị tính thuế	(2.318.560.202)	(3.009.393.950)
Ưu đãi thuế của công ty con	(4.487.922.749)	(3.648.995.605)
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.946.483	-
Khác	791.547	(708.272)
	47.764.642.705	33.584.927.565

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong – một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.
- Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2013 đến năm 2027) và mức thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	269.941.522.904	204.125.155.449
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(26.994.152.290)	(14.288.760.881)
Số trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (VND)	-	(2.000.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	242.947.370.614	187.836.394.568
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu) (Thuyết minh (39(b)))	117.796.183	117.796.183
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.062	1.595

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận thuần trong kỳ.

(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	117.796.183	98.163.853
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức	-	19.632.330
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	117.796.183	117.796.183

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	84.096.624.908	110.851.162.326
Mua hàng hóa, dịch vụ	64.954.239.845	96.386.066.129
Phí bản quyền	3.400.000.000	3.400.000.000
Hàng bán trả lại	718.915.961	-
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	12.051.072.289	9.669.352.637
Cổ tức được chia	599.730.000	499.775.000
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i>		
Chiết khấu, bồi khấu	8.513.017.824	-
Hàng bán trả lại	173.813.645	3.807.757.032
Bán hàng	-	95.109.000
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa	2.084.153.142	1.457.156.872
Mua hàng hóa	194.651.202.000	119.182.813.621
Hàng bán trả lại	12.518.950	-
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</i>		
Bán hàng hóa	15.720.000	-
Mua hàng hóa	34.931.907.980	24.609.564.551
Mua tài sản cố định hữu hình	580.600.000	-
Cho vay	3.000.000.000	-
Thu hồi khoản vay	3.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	62.191.148	-
Bán hàng hóa	15.720.000	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc,		
Thành viên Hội đồng Quản trị và		
Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 14/4/2021)		
Tiền lương, thưởng và thù lao	7.825.464.543	7.556.963.654

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

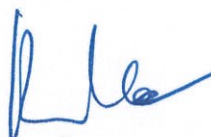
Người lập:

13 -08- 2021

Người duyệt:



Luu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toán



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

